TRIỆU TỔ NGŨ PHƯƠNG

ĐỜI 1 | ĐỜI 2 | ĐỜI 3 | ĐỜI 4 | ĐỜI 5 | ĐỜI 6 | ĐỜI 7 | ĐỜI 8 | ĐỜI 9 | ĐỜI 10 | ĐỜI 11 | ĐỜI 12 | ĐỜI 13 | ĐỜI 14 | ĐỜI 15 | ĐỜI 16 | ĐỜI 17 | ĐỜI 18 | ĐỜI 19 | ĐỜI 20

- THUỶ TỔ HUYỀN NHAI ①
  - HUYỀN LAM ②
    - NGÔ PHƯƠNG ③
      - HUYỀN MẶC ②
        - HUỆ CHÍNH ⑥
          - XUÂN HOÀ ⑦
            - TUẤN NGHĨA ⑧
              - TUẤN PHƯƠNG ⑨ (Hiếu sinh)
                - TUẤN HẬU ⑩ (Hiếu sinh, Chi trưởng)
                - TUẤN LỄ ⑩ (Hiếu sinh)
              - TUẤN HUẤN ⑨ (Hiếu sinh)
                - XUÂN THÁNH ⑩ (Sẩu tử thu dân)
                - SĨ VIỄN ⑩
              - TUẤN HỢI ⑨ (Chiếu kế Chi Phan 3)
                - XUÂN ĐẠT ⑩
            - XUÂN HUY ⑧
              - XUÂN LỘC ⑨
                - XUÂN NGAN ⑩
              - XUÂN HUYỀN ⑨
                - XUÂN BÍCH ⑩
            - XUÂN CHÍNH ⑧
            - XUÂN CHIẾN ⑧
            - XUÂN NGUYÊN ⑧
              - XUÂN ĐĂNG ⑨
                - XUÂN CHÂU ⑩
                - XUÂN TRẦN ⑩
                - XUÂN TỐY ⑩
                - XUÂN CẦN ⑩
                - XUÂN CÔNG ⑩
                - XUÂN CHÍNH ⑩
                - XUÂN ĐOÀN ⑩
                - XUÂN THỰC ⑩
                - XUÂN TỰ ⑩
              - XUÂN LẬP ⑨
            - ĐĂNG ĐÌNH ⑨
            - ĐĂNG ĐỆ ⑨ (Kết tiết trung nghĩa tướng quân miếu, xã Thuận Quang Hạ)
              - ĐĂNG LÊNH ⑩
                - ĐĂNG LÝ ⑪
                - ĐĂNG PHÒNG ⑪
                - ĐĂNG KỶ ⑫
                - ĐĂNG QUY ⑫
                - ĐĂNG QUẾ ⑫
                - ĐĂNG QUÝ ⑫
                - ĐĂNG KIỆT ⑫
                - ĐĂNG KIỀU ⑫
                - ĐĂNG KIỆN ⑫
                - ĐĂNG KIỂN ⑫
                - ĐĂNG CẢNH ⑫
                - ĐĂNG THƯỜNG ⑫
                - ĐĂNG THỊNH ⑫
                - ĐĂNG DIỄN ⑫
                - ĐĂNG DINH ⑫
                - ĐĂNG DIỄN ⑫
            - ĐĂNG LƯƠNG ⑩
              - ĐĂNG QUỶ ⑨ (Huyền Phúc)
            - ĐĂNG TIẾN ⑩
            - ĐĂNG TRỰC ⑩ (Chiếu kế Chi phái Đăng Sơn - Đồi Lương)
              - ĐĂNG VỸ ⑦
            - ĐĂNG VĨNH ⑩
              - ĐĂNG TÂN ⑨
            - ĐĂNG THỤY ⑩
              - ĐĂNG TRẦN ⑨
              - ĐĂNG CHÂU ⑨
          - VĂN NAO ⑦
            - XUÂN ĐỨC ⑧ (Hiếu sinh)
        - CHÍNH PHÚC ③
        - HUỆ PHÚC ④
        - THIỆN AN ⑤